THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 537/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long, Quy hoạch tổng thể phát triển vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long; đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực; thực hiện liên kết và tăng cường hoạt động điều phối chung giữa các địa phương trong vùng.

2. Phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế và cơ hội phát triển, thực hiện tái cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh, tập trung phát triển các ngành thế mạnh của tỉnh như thủy sản, nông lâm nghiệp, công

nghiệp chế biến gắn với nguồn nguyên liệu, du lịch sinh thái, du lịch biển, dịch vụ kinh tế biển; phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, với trọng tâm là Khu du lịch quốc gia Năm Căn.

3. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội, thực hiện đảm bảo an sinh xã hội, bảo vệ môi trường. Tập trung đào tạo phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

4. Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của hệ thống chính trị và toàn xã hội trong suốt thời kỳ quy hoạch; qua đó vận động, thu hút các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

5. Thực hiện lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với từng ngành, lĩnh vực đảm bảo tính đa mục tiêu, hiệu quả và phát triển bền vững.

6. Phát triển kinh tế phải gắn với ổn định chính trị, đảm bảo trật tự xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh; củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, xây dựng nền hành chính vững mạnh.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy tiềm năng lợi thế, xây dựng tỉnh Cà Mau có kinh tế - xã hội phát triển đạt mức khá trong vùng; đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng kết hợp chiều rộng với chiều sâu; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng đô thị và nông thôn mới; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; đảm bảo quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế:

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) giai đoạn 2016 - 2020 tăng bình quân hàng năm 7 - 7,5%; giai đoạn 2021 - 2025 tăng 7%; giai đoạn 2026 - 2030 tăng 6,9%.

- GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt khoảng 3.000 USD; năm 2025 đạt khoảng 4.400 - 4.500 USD, năm 2030 khoảng 6.800 - 6.900 USD.

- Cơ cấu kinh tế (%):

	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
+ Dịch vụ	42,5	45,7	49,0
+ Công nghiệp xây dựng	31,0	34,2	35,3
+ Ngư nông lâm	23,0	17,1	13,1
+ Thuế NK, thuế SP	3,5	3,0	2,6

- Tổng vốn đầu tư xã hội bình quân hàng năm giai đoạn 2016 - 2020 đạt khoảng 30% GRDP; giai đoạn 2021 - 2025 bình quân đạt khoảng 28% GRDP; giai đoạn 2026 - 2030 bình quân đạt khoảng 26 - 27% GRDP.

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh hàng năm tăng 17% (tổng thu ngân sách giai đoạn 2016 - 2020 đạt khoảng 32.700 tỷ đồng).

- Kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt khoảng 1,7 tỷ USD (tổng giai đoạn 2016 - 2020 đạt khoảng 7,5 tỷ USD); năm 2025 đạt 1,9 tỷ USD và năm 2030 đạt khoảng 2,2 tỷ USD.

- Tỷ lệ đô thị hóa năm 2020 đạt 37%; năm 2025 đạt 42%; năm 2030 đạt 50%.

- Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới năm 2020 đạt 50%; năm 2025 đạt 80%; năm 2030 cơ bản hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới.

b) Về xã hội:

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2020 giảm còn khoảng 1%.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp năm 2020 giảm còn 60%; năm 2025 còn khoảng 50%; năm 2030 còn khoảng 40%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (không kể bồi dưỡng, tự kèm truyền nghề) năm 2020 đạt khoảng 50%; năm 2025 đạt khoảng 60 - 65%; năm 2030 đạt khoảng 80%.

- Giải quyết việc làm bình quân hàng năm giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 38.000 người/năm; giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 45.000 người; giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 50.000 người.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm 1,5%; trong đó tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm bình quân từ 2 - 3%/năm (theo chuẩn nghèo từng giai đoạn).

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng năm 2020 giảm còn 12%, đến năm 2030 giảm còn 11%.

- Số bác sỹ bình quân/1 vạn dân năm 2020 là 12 bác sỹ, năm 2025 là 14 bác sỹ và năm 2030 là 16 bác sỹ.

- Số giường bệnh/vạn dân năm 2020 đạt khoảng 26 giường, năm 2025 khoảng 33 giường và năm 2030 khoảng 40 giường.

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế năm 2020 đạt 80%; năm 2025 đạt 85%; năm 2030 đạt 90%.

- Giữ vững chuẩn phổ cập giáo dục Trung học cơ sở đã được công nhận; từng bước phổ cập giáo dục Trung học phổ thông ở những nơi có điều kiện.

- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2020 đạt 70%; năm 2025 đạt 90% và năm 2030 đạt 100%.

- Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn văn hóa năm 2020 đạt 50%, năm 2025 từ 60 - 65%, năm 2030 đạt từ 75 - 80%.

- Tỷ lệ nhà ở kiên cố năm 2020 đạt 55%, năm 2030 đạt 75%; giảm tỷ lệ nhà tạm đơn sơ xuống còn 1% vào năm 2020, đến năm 2030 cơ bản không còn nhà tạm đơn sơ.

c) Về môi trường:

- Tỷ lệ độ che phủ rừng và cây phân tán năm 2020 đạt 26%.

- Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh năm 2020 đạt 90%, năm 2025 đạt 95%; năm 2030 đạt 100%.

- Tỷ lệ rác thải đô thị và khu, cụm công nghiệp được thu gom xử lý năm 2020 đạt 85%; năm 2025 đạt 90%; năm 2030 đạt trên 95%.

- Đến năm 2020 đảm bảo 100% số cơ sở sản xuất kinh doanh quy mô lớn và thành phố Cà Mau có hệ thống xử lý nước thải; đến năm 2025 các đô thị loại IV có hệ thống xử lý nước thải.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Ngư nông lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới

Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; tập trung phát triển các sản phẩm tỉnh có lợi thế, nhất là thủy hải sản gắn với chế biến, tiêu thụ để nâng cao thu nhập bền vững cho nông dân; tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ xuyên suốt của cả hệ thống chính trị và là sự nghiệp của toàn dân.

- Thủy sản: Nuôi trồng thủy sản chủ yếu là nuôi tôm với nhiều hình thức nuôi để phát triển bền vững, tiếp tục tăng nhanh diện tích nuôi tôm quảng canh cải tiến, nuôi tôm sinh thái; phát triển diện tích nuôi tôm công nghiệp phù hợp với khả năng vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư; thí điểm phát triển nuôi tôm công nghệ cao; đồng thời phát triển nuôi các loài thủy hải sản khác, khuyến khích nuôi hải sản ở mặt nước ven biển, các cụm đảo. Tổ chức lại ngành nghề, phương tiện khai thác thủy sản trên biển gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khuyến khích đầu tư khai thác xa bờ gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo. Tổng sản lượng thủy sản năm 2020 đạt khoảng 600.000 tấn, trong đó có 240.000 tấn tôm; năm 2025 đạt khoảng 700.000 tấn (có 280.000 tấn tôm), năm 2030 đạt khoảng 780.000 tấn (có 320.000 tấn tôm).

- Nông nghiệp: Cây lúa là cây trồng chính, giữ ổn định diện tích chuyên canh lúa trong vùng ngọt hóa huyện Trần Văn Thời và một phần ở huyện Thới Bình, huyện U Minh; phát triển sản xuất lúa gạo hữu cơ, lúa mùa đặc sản, tiếp tục sản xuất lúa luân canh trên đất nuôi tôm để phát triển bền vững. Tổng diện tích gieo trồng lúa đến năm 2020 đạt khoảng 131.500 ha, năng suất 5,32 tấn/ha, sản lượng

khoảng 630.000 - 635.000 tấn, đến năm 2030 ổn định sản lượng khoảng 600.000 tấn. Canh tác cây chuối, mía, dừa, rau màu và cây trồng có hiệu quả khác theo hướng thâm canh chất lượng cao, khuyến khích sản xuất xen canh, luân canh rau màu trên đất trồng lúa. Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng trang trại, thực hiện chăn nuôi an toàn, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, năm 2020 có khoảng 550.000 con heo và 4,5 triệu con gia cầm; năm 2030 có khoảng 600.000 con heo và 4,8 - 5 triệu con gia cầm. Khuyến khích nuôi động vật hoang dã trong diện được nuôi nhốt có giá trị kinh tế cao.

- Lâm nghiệp: Quản lý bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, nhất là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; đẩy mạnh giao rừng cho hộ gia đình quản lý, chăm sóc, bảo vệ; tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty lâm nghiệp; khai thác môi trường rừng để phát triển du lịch sinh thái. Khôi phục, phát triển rừng phòng hộ ven biển, ven sông theo Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu; khuyến khích đầu tư trồng rừng thâm canh giá trị cao gắn với đầu tư công nghiệp chế biến lâm sản. Diện tích có rừng tập trung đến năm 2020 là 105.000 ha; tỷ lệ độ che phủ rừng và cây phân tán năm 2020 đạt 26% diện tích tự nhiên của tỉnh.

- Tập trung huy động các nguồn lực phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới văn minh, giàu đẹp có kinh tế phát triển, kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ, đảm bảo trật tự xã hội, giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống; có chia bước đi thích hợp ở từng tiêu chí phù hợp với điều kiện và khả năng các nguồn lực. Đến năm 2020 có 50% số xã trong tỉnh đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới; đến năm 2025 có khoảng 80% số xã và phấn đấu cơ bản hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới vào năm 2030.

2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Tiếp tục phát triển công nghiệp chế biến thủy sản, nông lâm sản theo hướng tăng tỷ lệ hàng tinh chế; khôi phục phát triển công nghiệp cơ khí sửa chữa tàu thuyền; phát triển công nghiệp năng lượng, hóa chất trên cơ sở cụm khí điện đạm Cà Mau, thu hút đầu tư nhà máy điện gió, điện năng lượng mặt trời, điện sinh khối theo cơ chế khuyến khích phát triển năng lượng sạch; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề nông thôn để tạo việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn. Tiếp tục đầu tư, phân kỳ đầu tư hợp lý đối với các khu công nghiệp Khánh An, Hòa Trung, Sông Đốc, Khu kinh tế Năm Căn và các cụm công nghiệp theo quy hoạch được duyệt để thu hút đầu tư. Phát triển công nghiệp cần gắn liền với tăng cường quản lý bảo vệ môi trường. Tổng giá trị sản lượng công nghiệp tăng bình quân hàng năm khoảng 10 - 12%; các doanh nghiệp cần mở rộng sản xuất gắn với các giải pháp về thị trường để nâng cao chỉ số tiêu thụ sản phẩm và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3. Các ngành dịch vụ: Phát triển mạnh kinh tế dịch vụ, tập trung vào các ngành có tiềm năng và các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao; thu hút các thành phần kinh tế đầu tư kinh doanh dịch vụ, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư các dịch vụ văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao; chuyển mạnh các đơn vị hoạt động sự nghiệp sang hình thức cung ứng dịch vụ theo cơ chế thị trường, đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội. Tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ bình quân khoảng 10%/năm.

- Phát triển mạng lưới thương mại rộng khắp, vừa tiếp tục phát triển hệ thống phân phối truyền thống, vừa phát triển hệ thống kinh doanh hiện đại; tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại; quản lý chặt chẽ đối với các mặt hàng kinh doanh có điều kiện. Tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng bình quân 10 - 12%. Tiếp tục đẩy mạnh xúc tiến thương mại mở rộng thị trường xuất khẩu thủy sản và một số mặt hàng mới như gỗ chế biến, gạo hữu cơ, hàng thủ công. Kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt khoảng 1,7 tỷ USD (chủ yếu là xuất khẩu hàng thủy sản), năm 2025 đạt khoảng 1,9 tỷ USD và đến năm 2030 đạt khoảng 2,2 tỷ USD.

- Tập trung phát triển du lịch sinh thái, du lịch biển đảo, thực hiện liên kết phát triển du lịch trong nước và quốc tế; khuyến khích và hỗ trợ phát triển du lịch sinh thái cộng đồng bền vững. Thu hút đầu tư các khu du lịch, khai thác có hiệu quả các tuyến điểm du lịch theo quy hoạch phát triển du lịch tỉnh; tập trung xây dựng phát triển Khu du lịch quốc gia Năm Căn. Đến năm 2020, đón 1,7 triệu lượt khách nội địa và 50 ngàn lượt khách quốc tế; đến năm 2030 đón khoảng 2,8 triệu lượt khách, trong đó có khoảng 110 ngàn lượt khách quốc tế.

- Phát triển nhanh các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, có tác dụng thúc đẩy các ngành sản xuất và dịch vụ khác như vận tải, viễn thông và công nghệ thông tin, dịch vụ tư vấn, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ xây dựng, bất động sản, các dịch vụ đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, dịch vụ lao động việc làm, dịch vụ công chứng, chứng thực, đấu giá tài sản, giám định tư pháp, trọng tài thương mại, tư vấn pháp lý. Từng bước phát triển dịch vụ logistics trên cơ sở phát triển và khai thác hệ thống cảng Cà Mau, Khu kinh tế Năm Căn, cảng biển tổng hợp Hòn Khoai.

4. Khoa học và công nghệ: Đẩy mạnh hoạt động khoa học và công nghệ, tập trung chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế, đời sống; thực hiện đổi mới cơ chế quản lý khoa học công nghệ, chuyển mạnh sang cơ chế cung ứng dịch vụ theo đặt hàng, từng bước hình thành thị trường khoa học, công nghệ. Tăng cường quản lý đo lường chất lượng và sở hữu trí tuệ.

5. Giáo dục và đào tạo: Phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo theo hướng đổi mới căn bản, toàn diện để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất để tăng nhanh số trường đạt chuẩn quốc gia, đến năm 2020 có trên 70% trường học, đến năm 2025 có trên 90% và đến năm 2030 có 100% trường học các

cấp trong tỉnh đạt chuẩn quốc gia. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo, phát huy vai trò hội đồng giáo dục ở các cấp, tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác phát triển sự nghiệp giáo dục; phát triển các trường đào tạo chuyên nghiệp, nâng cao chất lượng đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm sau đào tạo.

6. Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân: Tăng cường công tác y tế dự phòng, thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu về y tế; đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân; phòng ngừa, khống chế có hiệu quả các dịch bệnh. Xây dựng đồng bộ mạng lưới khám, chữa bệnh từ tỉnh đến cơ sở, từng bước hiện đại hóa về cơ sở vật chất, trang thiết bị; sớm hoàn thành bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng, bệnh viện đa khoa khu vực, bệnh viện đa khoa huyện, các trung tâm y tế; xây dựng mới bệnh viện lao và bệnh phổi, bệnh viện đông y. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ và y đức đội ngũ cán bộ y tế. Đến năm 2020 bình quân đạt 26 giường bệnh và 12 bác sỹ/vạn dân, năm 2025 đạt 33 giường bệnh và 14 bác sỹ/vạn dân; năm 2030 đạt khoảng 40 giường bệnh và 16 bác sỹ/vạn dân. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động toàn dân tham gia bảo hiểm y tế, đến năm 2020 có 80% dân số tham gia bảo hiểm y tế, năm 2025 đạt 85% và năm 2030 đạt trên 90%.

7. Văn hóa, thể dục, thể thao

a) Văn hóa: Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, văn hóa cộng đồng; tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với xây dựng nông thôn mới, xây dựng khu phố văn minh; tăng cường đầu tư thiết chế văn hóa trên cơ sở đẩy mạnh xã hội hóa; thực hiện tốt công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử;

b) Thể dục thể thao: Phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng rộng khắp, thực hiện có hiệu quả phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại", đẩy mạnh giáo dục thể chất trong trường học, lực lượng vũ trang. Đến năm 2020 có 30% dân số thường xuyên tập luyện thể dục thể thao, năm 2025 đạt tỷ lệ 35 - 40% và năm 2030 đạt 45 - 50%. Thực hiện đầu tư có trọng điểm cho thể thao thành tích cao, đào tạo vận động viên bổ sung cho các đội tuyển địa phương; bồi dưỡng nghiệp vụ và nâng cao trình độ đội ngũ huấn luyện viên; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động thể dục thể thao.

8. Các vấn đề xã hội

- Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình: Tiếp tục thực hiện tốt công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống còn khoảng 1% để đạt và duy trì mức sinh thay thế, đảm bảo cân bằng giới tính; nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần.

- Lao động việc làm: Tăng cường công tác dịch vụ việc làm, gắn đào tạo nghề với các thị trường lao động, tăng số người được giải quyết việc làm, ưu tiên giải quyết việc làm trong tỉnh. Bình quân hàng năm giai đoạn 2016 - 2020 giải quyết việc làm cho 39.000 người/năm, giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 45.000 người/năm; giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 50.000 người/năm.

- Giảm nghèo: Huy động nhiều nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo, thường xuyên rà soát, có giải pháp hỗ trợ phù hợp để giảm nghèo bền vững, động viên các hộ tự vươn lên thoát nghèo là chính. Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm đạt 1,5% trở lên (theo chuẩn nghèo áp dụng trong từng giai đoạn thực hiện, theo hướng tiếp cận chuẩn nghèo đa chiều: Thu nhập, việc làm, giáo dục, nhà ở và tài sản).

- Tiếp tục thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người có công, đối với đồng bào dân tộc thiểu số, các chính sách an sinh xã hội khác; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; phòng chống tệ nạn xã hội; thực hiện bình đẳng giới; chính sách tự do tôn giáo, tín ngưỡng; phát triển thanh niên.

IV. PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG

Huy động cao nhất các nguồn lực đầu tư đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tập trung vào các lĩnh vực thiết yếu như giao thông, thủy lợi, hệ thống cấp thoát nước; trong đó hạ tầng giao thông là khâu đột phá phát triển.

1. Giao thông: Phát triển hạ tầng giao thông cả về đường bộ, đường thủy, đường biển và đường hàng không phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, tập trung đầu tư các công trình kết nối liên vùng.

- Mạng lưới đường bộ: Đầu tư giai đoạn 2 tuyến đường Hành lang ven biển phía Nam qua tỉnh Cà Mau; tuyến tránh quốc lộ 1 qua nội ô thành phố Cà Mau; hoàn thành nâng cấp, mở rộng quốc lộ 63; nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1; sau năm 2020 triển khai đầu tư tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau...

Đầu tư nâng cấp các tuyến đường từ tỉnh đến trung tâm huyện và các tuyến đường tỉnh khác, ưu tiên đầu tư các tuyến đường kết nối từ trung tâm tỉnh đến các trung tâm kinh tế ven biển như: Rau Dừa - Rạch Ráng - Sông Đốc (đường bờ Nam Sông Đốc), Cà Mau - Đầm Dơi, Tắc Thủ - Đá Bạc, Tân Bằng - U Minh - Khánh Hội, đường tuyến kênh Sáu Đông (Tân Thuận - Đầm Dơi - Rau Dừa); triển khai xây dựng hệ thống đường ven biển; xây dựng nâng cấp hệ thống cầu, bến xe, bãi đỗ. Xây dựng và nâng cấp các tuyến đường vành đai thành phố Cà Mau; các tuyến đường đô thị; xây dựng nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, đảm bảo 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã.

- Mạng lưới đường thủy: Cải tạo nâng cấp các tuyến đường thủy do Trung ương quản lý đạt tiêu chuẩn đường thủy nội địa theo cấp quy định; khai thác có hiệu quả các tuyến vận tải đường thủy như: Tuyến Duyên Hải - Cà Mau, tuyến TP.HCM - Cà Mau, tuyến Rạch Giá - Cà Mau; mở tuyến tránh thành phố Cà Mau

qua rạch Cái Xu, chuyển giao các đoạn đường thủy qua đô thị về cho tỉnh Cà Mau quản lý. Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thủy do tỉnh quản lý đạt tiêu chuẩn quy định. Nâng cấp các bến tàu khách, bến xếp dỡ hàng hóa, nâng cấp một số bến khách ngang sông đảm bảo an toàn.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng Cảng Năm Căn, thu hút đầu tư Cảng biển Hòn Khoai, Cảng sông Ông Đốc, đáp ứng yêu cầu vận tải đường biển; triển khai đầu tư các Cảng khách Cà Mau, Năm Căn, Ông Đốc, Cảng chuyên dụng khí điện đạm Cà Mau.

- Cảng hàng không Cà Mau: Đến năm 2020 giữ nguyên hệ thống đường cất hạ cánh, đường lăn hiện hữu, hệ thống sân đỗ tàu bay, đảm bảo 02 vị trí đỗ tàu bay ATR72 và tương đương; giai đoạn sau năm 2020 cải tạo đường hạ cất cánh, xây dựng đường lăn mới, xây mới sân đỗ tàu bay để đạt 03 vị trí đỗ cho tàu bay A320/A321 và 01 sân đỗ trực thăng, xây mới nhà ga hành khách đạt công suất 500.000 hành khách/năm, đảm bảo đạt cấp 4C. Về lâu dài xem xét có kế hoạch di chuyển Cảng hàng không Cà Mau ra khỏi khu vực nội ô thành phố Cà Mau, tạo điều kiện phát triển đô thị và an toàn bay.

2. Thủy lợi: Đầu tư thủy lợi đa mục tiêu phục vụ sản xuất ngư nông lâm nghiệp, kết hợp phát triển giao thông nông thôn, phòng chống thiên tai ứng phó biến đổi khí hậu. Tiếp tục đầu tư thủy lợi các vùng sản xuất, rà soát giải pháp công trình thủy lợi phù hợp đảm bảo cấp thoát nước cho các vùng nuôi tôm, ngăn mặn giữ ngọt cho vùng sản xuất lúa tập trung; đầu tư xây dựng hệ thống công trình thủy lợi gắn với quản lý vận hành công trình, có sự đồng thuận của nhân dân. Nâng cấp, gia cố đê biển Tây, xây dựng đê biển Đông, hệ thống đê cửa sông theo Chương trình đê biển của Chính phủ. Xây dựng một số hồ trữ nước phục vụ phòng chống cháy rừng, bổ sung cấp nước sinh hoạt để giảm áp lực khai thác nước ngầm; triển khai các công trình thủy lợi chống ngập cho thành phố Cà Mau.

3. Cấp, thoát nước: Quản lý khai thác có hiệu quả hệ thống cấp nước sinh hoạt đô thị, các khu, cụm công nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn hiện có gắn với bảo vệ nguồn nước ngầm, vận động sử dụng tiết kiệm nguồn nước sinh hoạt. Phối hợp triển khai hệ thống cấp nước liên tỉnh sử dụng nguồn nước sông Hậu theo quy hoạch cấp nước vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long. Thu hút đầu tư nhà máy xử lý nguồn nước mặt phục vụ cấp nước sinh hoạt.

Đầu tư cải tạo, xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị, sớm hoàn thành dự án thoát nước thành phố Cà Mau, đầu tư hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị Sông Đốc, Năm Căn, các đô thị trung tâm huyện và các khu, cụm công nghiệp.

4. Đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin với công nghệ hiện đại gắn với đảm bảo an ninh mạng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

5. Hạ tầng thương mại: Xây dựng hệ thống phân phối hàng hóa hiện đại như: Trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, siêu thị tổng hợp và chuyên doanh, cửa hàng tiện ích… với phương thức kinh doanh tiên tiến, hiện đại, quản lý chuyên nghiệp kết hợp với việc duy trì, phát triển các chợ truyền thống phục vụ dân cư nông thôn; phát triển các trung tâm dịch vụ logistics ở những nơi có điều kiện.

6. Hạ tầng điện: Phát triển hệ thống lưới truyền tải và phân phối điện theo quy hoạch điện lực, đảm bảo cấp điện an toàn, liên tục cho các phụ tải công nghiệp, sản xuất nông nghiệp, dịch vụ và điện sinh hoạt, có nguồn điện dự phòng từ 10 - 20%; giảm tổn thất điện năng. Tập trung thực hiện Chương trình cấp điện nông thôn, giảm nhanh tỷ lệ hộ sử dụng điện không an toàn; đến năm 2020 đảm bảo 100% số hộ trong tỉnh được sử dụng điện.

7. Phát triển kết cấu hạ tầng xã hội: Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất trường học, các cơ sở y tế, các trung tâm sinh hoạt văn hóa thể thao phù hợp với điều kiện của địa phương; đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa đầu tư kết cấu hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh.

8. Bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu: Tăng cường quản lý, bảo vệ môi trường và xử lý ô nhiễm môi trường; triển khai thực hiện có hiệu quả chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; bảo vệ và phục hồi tính đa dạng sinh học các vùng đất ngập nước, trọng tâm là Khu sinh quyển Mũi Cà Mau, chủ động phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, thực hiện lồng ghép thích ứng biến đổi khí hậu vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để chủ động thực hiện. Thực hiện tốt các giải pháp bảo vệ môi trường theo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch.

9. Quốc phòng, an ninh: Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng các khu vực phòng thủ vững chắc, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống. Xây dựng lực lượng Quân đội chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; chú trọng xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên. Xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch vững mạnh, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa đấu tranh với các loại tội phạm, tạo chuyển biến vững chắc về trật tự, an toàn xã hội.

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN LÃNH THỔ

1. Phân vùng kinh tế: Tiếp tục phát triển theo 2 vùng kinh tế như quy hoạch của tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 163/2008/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2008.

- Vùng kinh tế nội địa, gồm: Thành phố Cà Mau, huyện Thới Bình và huyện Cái Nước.

- Vùng kinh tế biển và ven biển gồm các huyện tiếp giáp với biển: U Minh, Trần Văn Thời, Phú Tân, Năm Căn, Ngọc Hiển và Đầm Dơi.

2. Phát triển đô thị: Phấn đấu nâng tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh đến năm 2020 đạt 37%, năm 2025 lên 42% và năm 2030 đạt 50%. Mở rộng, nâng cấp các đô thị hiện có, xây dựng một số trung tâm xã, các cụm kinh tế có tiềm năng hình thành một số đô thị mới ở những nơi có điều kiện đáp ứng vai trò lan tỏa, phát triển. Ưu tiên tập trung đầu tư xây dựng phát triển 3 đô thị động lực của tỉnh gồm: Thành phố Cà Mau, đô thị Năm Căn và đô thị Sông Đốc. Phấn đấu xây dựng thành phố Cà Mau sớm đạt tiêu chí đô thị loại I; hoàn thiện đô thị Sông Đốc và Năm Căn theo tiêu chuẩn đô thị loại IV; nâng cấp thị trấn Cái Nước, Đầm Dơi, Rạch Gốc, Thới Bình, Trần Văn Thời, U Minh đạt tiêu chí đô thị loại IV. Tăng cường công tác quản lý đô thị, đảm bảo quy hoạch kết nối phát triển giữa thành phố Cà Mau với các đô thị khác trong tỉnh như Cái Nước, Thới Bình.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (*Phụ lục kèm theo*)

VII. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động vốn và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư

Tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển thực hiện quy hoạch khoảng 570 nghìn tỷ đồng, trong đó nhu cầu vốn của giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 96 nghìn tỷ đồng, giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 186 nghìn tỷ đồng và giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 288 nghìn tỷ đồng. Để thu hút và huy động đủ nguồn vốn đáp ứng yêu cầu này, cần tập trung thực hiện các giải pháp sau:

- Đối với vốn ngân sách nhà nước:

+ Ưu tiên đầu tư các dự án hạ tầng không huy động được nguồn lực xã hội. Nâng cao chất lượng tăng trưởng để tăng tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo nguồn chi đầu tư phát triển.

+ Phấn đấu tăng thu ngân sách, cắt giảm đối đa các khoản chi thường xuyên chưa cần thiết để tăng chi đầu tư phát triển, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ đầu tư cấp thiết.

+ Huy động khai thác quỹ đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, thực hiện quy hoạch các đô thị một cách hợp lý, đặc biệt là quy hoạch lại hệ thống công sở nhà nước, ưu tiên những vị trí có lợi thế về thương mại để tổ chức cho các nhà đầu tư đấu giá, tạo vốn đầu tư phát triển.

+ Tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương đầu tư các dự án lớn trên địa bàn tỉnh và hỗ trợ vốn đầu tư theo các Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn ODA, nguồn vốn trái phiếu Chính phủ.

- Đối với vốn của các doanh nghiệp nhà nước, các Tập đoàn, Tổng Công ty nhà nước:

+ Khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhà nước, các Tập đoàn, Tổng Công ty nhà nước hoạt động trên địa bàn tỉnh đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, xây dựng cứ điểm sản xuất kinh doanh để tranh thủ những lợi ích từ các hiệp định thương mại tự do nước ta đã ký kết với các tổ chức, các nước.

- Đối với vốn đầu tư của các doanh nghiệp trong nước và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài:

+ Đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và phương thức xúc tiến đầu tư. Tích cực thu hút đầu tư nhất là các dự án có quy mô lớn, công nghệ cao vào Khu kinh tế Năm Căn, các khu, cụm công nghiệp của tỉnh.

+ Khuyến khích, tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi cho đầu tư tư nhân, bao gồm cả đầu tư ngoài tỉnh và trong tỉnh. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng bằng nhiều hình thức như hợp tác công - tư (PPP), xã hội hóa đầu tư các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường.

- Đối với vốn đầu tư của khu vực dân cư: Tạo điều kiện thuận lợi nhất để người dân tăng chi tiêu đầu tư, xây dựng nhà ở, phát triển sản xuất.

2. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Tiếp tục thực hiện quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của tỉnh, tập trung nâng cao chất lượng đào tạo chuyên nghiệp, đào tạo nghề cho lao động, nhất là lao động nông thôn có điều kiện chuyển đổi sang các nghề phi nông nghiệp và mở rộng thêm ngành nghề; chú trọng đào tạo nghề gắn với nhu cầu thị trường lao động của các doanh nghiệp và của nền kinh tế.

Thực hiện các chính sách thu hút và đãi ngộ để thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý có trình độ, có năng lực về tỉnh công tác, đào tạo bồi dưỡng và đưa tri thức trẻ xuống cơ sở. Tiếp tục thực hiện đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ trong cơ quan nhà nước các cấp, trong các doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục.

3. Phát triển khoa học, công nghệ

Tăng chi ngân sách cho hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ, từng bước hình thành thị trường khoa học và công nghệ. Tăng cường phổ biến thông tin khoa học kỹ thuật, tăng cường ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng mô hình trình diễn và tổng kết nhân rộng, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ, nhất là trong lĩnh vực công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu và công nghệ thông tin nhằm giải quyết các vấn đề thiết yếu trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường.

Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đổi mới công nghệ và sản xuất sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, góp phần gia tăng

giá trị sản phẩm hàng hóa; đồng thời thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học công nghệ như: Hỗ trợ đào tạo, thông tin khoa học công nghệ và thị trường, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.

Tăng cường liên kết với các trung tâm khoa học, các viện nghiên cứu và các trường đại học để tư vấn trong việc cải tiến công nghệ, đầu tư chiều sâu, chuyển giao các công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm giá thành sản phẩm hoặc sản xuất sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội.

Phát huy vai trò hoạt động của Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật tỉnh, mở rộng các hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội.

4. Bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; huy động nguồn lực tài chính, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường. Tổ chức triển khai có hiệu quả Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu và Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; thực hiện tốt các giải pháp bảo vệ môi trường theo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch.

5. Cải cách hành chính và xây dựng bộ máy nhà nước các cấp

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật. Tích cực thực hiện các giải pháp để cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; thực hiện đồng bộ các giải pháp để đảm bảo thực hiện tốt chương trình cải cách hành chính nhà nước.

6. Mở rộng hợp tác liên kết phát triển vùng và hội nhập quốc tế

Tăng cường tham gia các hoạt động điều phối phát triển vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long, phối hợp với các tỉnh trong vùng thực hiện vai trò, nhiệm vụ của vùng kinh tế trọng điểm theo sự điều phối chung, nhất là các dự án liên vùng, liên tỉnh. Hợp tác phát triển với các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và thành phố Hồ Chí Minh, khai thác các lợi thế so sánh của từng địa phương, đẩy mạnh hợp tác kinh tế, văn hóa với các địa phương trong vùng, trong nước và quốc tế, chủ động tham gia hợp tác những lĩnh vực tỉnh có nhu cầu cũng như có tiềm năng.

7. Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh

Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước của chính quyền các cấp trong thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong thời kỳ mới; củng cố, kiện toàn và phát huy vai trò tham mưu của cơ quan chuyên trách về quốc phòng - an ninh các cấp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện Quy hoạch

Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành và lãnh thổ trên địa bàn tỉnh (quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch tổng thể phát triển các ngành, các huyện và các quy hoạch khác có liên quan), các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

- Tổ chức công bố điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 cho cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp, nhà đầu tư và nhân dân trong tỉnh. Căn cứ nội dung của quy hoạch, tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để có kế hoạch thực hiện đạt kết quả.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế của địa phương với các nhà đầu tư; giới thiệu các chương trình, dự án cần được ưu tiên đầu tư, trong đó chú trọng kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm tạo ra các sản phẩm chủ lực.

- Cụ thể hóa nội dung của quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện và có đánh giá kết quả đạt được. Trên cơ sở đó tiến hành rà soát lại quy hoạch và trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung kịp thời đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng thời kỳ.

- Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch.

- Căn cứ nội dung quy hoạch được phê duyệt chỉ đạo việc lập, duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

+ Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các ngành, lĩnh vực; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

+ Lập các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn gắn với các dự án cụ thể để có kế hoạch bố trí vốn đầu tư phù hợp.

+ Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cấp thẩm quyền ban hành (nếu vượt quá thẩm quyền) một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm

- Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau trong quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành, lĩnh vực để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của quy hoạch; xem xét hỗ trợ tỉnh Cà Mau trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 163/2008/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau đến năm 2020. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục chương trình, dự án	Giai đoạn 2016 - 2020	Giai đoạn 2021 - 2030
A	**CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN**		
1	Chương trình phát triển nguồn nhân lực	X	X
2	Chương trình phát triển kinh tế biển	X	X
3	Chương trình xây dựng phát triển đô thị tỉnh Cà Mau	X	X
4	Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	X	X
5	Chương trình phát triển giao thông vận tải	X	X
6	Chương trình bảo vệ môi trường	X	X
7	Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	X	X
8	Chương trình đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đảm bảo tính đồng bộ, kết nối cao phục vụ yêu cầu phát triển của nền kinh tế	X	X
9	Đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế tỉnh	X	X
10	Chương trình phát triển kinh tế dịch vụ	X	X
B	**CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ**		
I	**Lĩnh vực giao thông**		
1	Tuyến đường Hành lang ven biển phía Nam giai đoạn 2	X	
2	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 63 trên địa bàn tỉnh Cà Mau	X	
3	Tuyến đường tránh Quốc lộ 1A qua thành phố Cà Mau	X	
4	Tuyến đường thủy TP.HCM - Cà Mau (tuyến duyên hải)	X	
5	Tuyến đường thủy TP.HCM - Kiên Lương (qua kênh Tháp Mười số 1), trong đó có đoạn Rạch Giá - Cà Mau	X	

STT	Danh mục chương trình, dự án	Giai đoạn 2016 - 2020	Giai đoạn 2021 - 2030
6	Tuyến đường cao tốc Cần Thơ - Cà Mau		X
7	Nâng cấp, mở rộng sân bay Cà Mau		X
8	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cà Mau - Đầm Dơi	X	
9	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kênh Sáu Đông ĐT.988B	X	
10	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đầm Dơi - Năm Căn ĐT.990	X	
11	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường U Minh - Khánh Hội	X	
12	Cầu qua sông Ông Đốc tại thị trấn Sông Đốc	X	
13	Tuyến đường vành đai Tây Nam thành phố Cà Mau	X	
14	Tuyến đường phía bờ Nam sông Ông Đốc nối vào Quốc lộ 1A (Rau Dừa - Rạch Ráng - Sông Đốc)	X	
15	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tắc Thủ - Cơi Năm - Đá Bạc	X	
16	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Láng Trâm - Thới Bình	X	
17	Xây dựng đường Trí Phải - Thới Bình	X	
18	Các tuyến đường ô tô đến trung tâm xã (gồm các xã mới chia tách)	X	
19	Cầu Cái Keo	X	
20	Cầu Chà Là (bắc qua sông Bảy Háp)	X	
21	Cầu Vàm Đầm	X	
22	Cầu qua sông Cái Tàu (tuyến Thới Bình - U Minh)	X	
23	Cầu qua sông Trẹm (tuyến Thới Bình - U Minh)	X	
24	Cầu cửa Gành Hào	X	
25	Bến xe liên tỉnh (mới)	X	
26	Bến xe, tàu Năm Căn	X	
27	Bến xe, tàu Sông Đốc	X	
28	Tuyến đường Trung tâm bờ Bắc Sông Đốc	X	
29	Tuyến đường vành đai khu vực thị trấn Sông Đốc	X	
30	Tuyến đường trục Bắc - Nam thị trấn Sông Đốc	X	

STT	Danh mục chương trình, dự án	Giai đoạn 2016 - 2020	Giai đoạn 2021 - 2030
31	Tuyến đường trung tâm phía bờ Nam Sông Đốc	X	
32	Các tuyến đường trên đảo Hòn Chuối	X	
33	Cảng nước sâu Hòn Khoai	X	X
34	Cảng Ông Đốc, huyện Trần Văn Thời	X	
35	Tuyến đường ven biển Tây		X
36	Tuyến đường ven biển Đông		X
II	**Lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi**		
1	Các tuyến đê biển	X	
	Củng cố, nâng cấp tuyến đê biển Tây	X	
	Xây dựng mới tuyến đê biển Đông	X	
2	Các tuyến đê cửa sông (29 tuyến)	X	
3	Các tiểu vùng thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và thủy sản	X	
4	Nạo vét luồng cho tàu cá ra vào các cửa biển: Sông Đốc, Khánh Hội, Rạch Gốc, Cái Đôi Vàm	X	
5	Bờ kè chống xói lở các khu dân cư ven sông thành phố Cà Mau	X	X
6	Bờ kè chống xói lở khu dân cư thị trấn Năm Căn	X	
7	Bờ kè chống xói lở chợ Tân Tiến, huyện Đầm Dơi	X	
8	Trung tâm giống thủy sản cấp I (cấp vùng) tại huyện Ngọc Hiển	X	
9	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại cửa Rạch Gốc (cấp vùng)	X	
10	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa Khánh Hội	X	
11	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa Bồ Đề	X	
12	Dự án xây dựng hạ tầng sắp xếp dân cư khu vực rừng sản xuất U Minh Hạ	X	
13	Dự án Vườn Quốc gia U Minh Hạ	X	
14	Dự án Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	X	
15	Dự án phát triển vùng đệm Vườn Quốc gia U Minh hạ	X	
16	Dự án phát triển vùng đệm Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	X	
17	Khu bảo tồn sinh thái biển vùng biển Cà Mau	X	

STT	Danh mục chương trình, dự án	Giai đoạn 2016 - 2020	Giai đoạn 2021 - 2030
18	Dự án phát triển cộng đồng vùng rừng ngập mặn	X	
19	Dự án nuôi thủy hải sản mặt nước ven biển, đảo	X	
20	Dự án khôi phục và phát triển nuôi cá đồng	X	
21	Các dự án tái định cư, sắp xếp, di dân ngoài đê biển và trong khu vực rừng phòng hộ, đặc dụng	X	
22	Dự án các công trình hạ tầng nuôi tôm công nghiệp, công nghệ cao	X	
23	Xây dựng hạ tầng phát triển đảo thanh niên Hòn Chuối	X	
24	Các dự án tạo bãi khôi phục phát triển rừng phòng hộ ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu	X	
25	Xây dựng các hồ trữ nước ngọt bổ sung cấp nước sinh hoạt	X	
26	Các dự án thực hiện Quy hoạch chống ngập thành phố Cà Mau	X	
III	**Lĩnh vực công nghiệp, điện, dầu khí**		
1	Nhà máy xử lý khí hóa lỏng tại Khánh An	X	
2	Hệ thống lưới truyền tải và phân phối điện trung thế	X	X
3	Các dự án xử lý, chế biến khí	X	X
4	Khu Kinh tế Năm Căn	X	X
5	Khu Công nghiệp Khánh An	X	
6	Khu Công nghiệp Hòa Trung	X	
7	Khu Công nghiệp Sông Đốc	X	
8	Hạ tầng các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	X	X
9	Dự án nhà máy điện gió ven biển	X	X
IV	**Lĩnh vực cấp, thoát nước**		
1	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cà Mau	X	
2	Hệ thống cấp, thoát nước đô thị Năm Căn	X	
3	Hệ thống cấp nước các đô thị trung tâm huyện lỵ	X	
4	Hệ thống thoát nước các đô thị trung tâm huyện lỵ	X	
V	**Lĩnh vực y tế**	*X*	
1	Bệnh viện Điều dưỡng phục hồi chức năng	X	

STT	Danh mục chương trình, dự án	Giai đoạn 2016 - 2020	Giai đoạn 2021 - 2030
2	Bệnh viện Lao và bệnh phổi	X	
3	Bệnh viện Y học cổ truyền	X	
4	Bệnh viện Đa khoa khu vực Năm Căn	X	
5	Bệnh viện Đa khoa khu vực Trần Văn Thời	X	
6	Bệnh viện Đa khoa khu vực Đầm Dơi	X	
7	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cái Nước	X	
8	Bệnh viện Đa khoa huyện Thới Bình	X	
9	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Tân	X	
10	Bệnh viện Đa khoa huyện U Minh	X	
11	Bệnh viện Đa khoa huyện Ngọc Hiển	X	
12	Trung tâm Y tế các huyện, thành phố	X	
VI	**Lĩnh vực giáo dục và đào tạo**		
1	Trường Cao đẳng Cộng đồng tỉnh Cà Mau cơ sở 2	X	
2	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Cà Mau cơ sở 2	X	
3	Chương trình kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên giai đoạn 3	X	
4	Trường THPT Hồ Thị Kỷ, thành phố Cà Mau	X	
5	Trường THPT Cà Mau, thành phố Cà Mau	X	
6	Trường THPT Nguyễn Việt Khái, thành phố Cà Mau	X	
7	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Cà Mau (giai đoạn 2)	X	
VII	**Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch**		
1	Dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử các địa điểm thuộc Xứ ủy Nam bộ - Trung ương Cục miền Nam	X	X
2	Trung tâm Văn hóa tỉnh Cà Mau	X	
3	Nhà thi đấu đa năng tỉnh Cà Mau	X	
4	Bảo tàng tỉnh Cà Mau	X	
5	Các dự án hạ tầng đấu nối vào các khu du lịch sinh thái	X	

STT	Danh mục chương trình, dự án	Giai đoạn 2016 - 2020	Giai đoạn 2021 - 2030
6	Dự án tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm chứng tích tội ác Mỹ Ngụy ở Biệt khu Hải Yến - Bình Hưng	X	
7	Trung tâm Văn hóa Thể thao các huyện, thành phố	X	
8	Trung tâm Văn hóa Thể thao các xã, phường, thị trấn	X	
9	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh Cà Mau	X	
10	Đầu tư nâng cấp Khu Thể dục Thể thao tỉnh Cà Mau	X	
11	Đầu tư nâng cấp sân vận động Cà Mau (Khán đài A)	X	
12	Đầu tư nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các khu du lịch: U Minh Hạ, Đất Mũi, Khai Long, Hòn Đá Bạc, Hòn Khoai, Đầm Thị Tường	X	
VIII	**Lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội**		
1	Trung tâm Giáo dục, Lao động và Xã hội	X	
2	Trung tâm Bảo trợ Xã hội tỉnh Cà Mau	X	
3	Đài tưởng niệm liệt sỹ tại Nghĩa trang Liệt sỹ tỉnh Cà Mau	X	
4	Đài tưởng niệm tại Nghĩa trang 10 Liệt sỹ Hòn Khoai tỉnh Cà Mau	X	
5	Trung tâm điều dưỡng người có công	X	
IX	**Lĩnh vực bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu**		
1	Nhà máy xử lý rác thải, chất thải công nghiệp, y tế	X	
2	Nhà máy xử lý nước thải và khắc phục ô nhiễm môi trường	X	
3	Dự án xây dựng bãi rác tại thị trấn các huyện	X	
4	Dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL"	X	
5	Dự án bảo vệ, phục hồi và phát triển rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau	X	

STT	Danh mục chương trình, dự án	Giai đoạn 2016 - 2020	Giai đoạn 2021 - 2030
6	Dự án chống xói lở gây bồi, trồng cây ngập mặn bảo vệ đê biển huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	X	
7	Dự án gây bồi, tạo bãi và trồng cây ngập mặn bảo vệ bờ biển khu vực Đất Mũi, tỉnh Cà Mau	X	
X	**Hạ tầng thuộc các lĩnh vực khác**		
1	Dự án nâng cấp đô thị thành phố Cà Mau (đạt chuẩn đô thị loại I)	X	X
2	Dự án nâng cấp hạ tầng đô thị Sông Đốc	X	X
3	Dự án nâng cấp hạ tầng đô thị Năm Căn	X	X
4	Siêu thị	X	
5	Khách sạn 5 sao	X	
6	Trung tâm thương mại Năm Căn	X	
7	Trung tâm thương mại Sông Đốc	X	
8	Các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng	X	X
9	Các khu đô thị mới tại thành phố Cà Mau	X	X
10	Các dự án tái định cư khu vực thành phố Cà Mau	X	X
11	Dự án xây dựng ký túc xá cho sinh viên	X	X
12	Dự án nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Cà Mau	X	X

*** Ghi chú:** Vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực của từng giai đoạn.